



Thứ năm, ngày 10 tháng 5 năm 2018

Vietnam Daily Review

Lao dốc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/5/2018		•	
Tuần 7/5-11/5/2018		•	
Tháng 5/2018		•	

Điểm nhấn

- Áp lực bán mạnh gia tăng vào phiên chiều thổi bay mọi nỗ lực duy trì sắc xanh từ đầu phiên sáng.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BVH (+0.35 điểm), DPM (+0.06 điểm), PC1 (+0.05 điểm), QCG (+0.05 điểm) và NT2 (+0.04 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VCB (-3.93 điểm), BID (-2.86 điểm), CTG (-2.71 điểm), VNM (-2.64 điểm) và VIC (-2.31 điểm).
- Các cổ phiếu bluechips như VIC, VNM, VCS, VJC đều giảm giá khiến thị trường giảm sâu.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4,151.5 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 33.59 điểm. Thị trường có 77 mã tăng và 201 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 28.10 điểm, đóng cửa tại 1028.87 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 2.91 điểm xuống 120.95 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 1,161.41 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIS (1,147.8 tỷ), HPG (30.4 tỷ) và MSN (26.2 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 5.62 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Phiên giao dịch ngày hôm nay tiếp tục thể hiện tâm lý tiêu cực của thị trường. Sau những diễn biến rớt đuôi trong phiên buổi sáng, lực bán quá mạnh cuối phiên chiều đã kéo chỉ số lao dốc. Các cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán có sự sụt giảm mạnh nhất. Đáng chú ý, khối ngoại hôm nay mua ròng mạnh, tập trung vào cổ phiếu thép Việt-Ý (VIS). BSC nhận định, đà giảm có thể tiếp tục trong ngắn hạn và thị trường còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư nên thận trọng với các quyết định và hạn chế tham gia bất đầy khi chưa có tín hiệu phục hồi rõ ràng.

Phân tích kỹ thuật:

VN-Index_Kiểm tra đáy

(Vui lòng tải và xem **trang 2** báo cáo)

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem **trang 4** báo cáo)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX 1028.87

Giá trị: 4151.5 tỷ **-28.1 (-2.66%)**

Khối ngoại (ròng): 1158.31 tỷ

HNX-INDEX 120.95

Giá trị: 694.37 tỷ **-2.91 (-2.35%)**

Khối ngoại (ròng): -5.62 tỷ

UPCOM-INDEX 56.03

Giá trị: 296.4 tỷ **-0.57 (-1.01%)**

Khối ngoại(ròng): 6.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.6	0.70%
Giá vàng	1,315	0.17%
Tỷ giá USD/VND	22,769	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,993	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	20,736	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	-
LS TPCP 5 năm	3.5%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIS	1146.40	VND	49.90
HPG	30.40	CTD	39.20
MSN	26.10	VRE	28.00
NVL	21.30	STB	14.80
SSI	16.20	HDB	8.30

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Hình 1

HSX-Index Intraday

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
DXG	2.9	33.0	29	38	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
VNM	3.6	180.0	176	215	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
PVI	0.7	34.3	31	43	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HPG	6.5	55.2	52	62	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
FPT	4.0	58.3	55	65	MUA	Giảm giá kéo dài
PVS	3.1	18.6	16	23	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VCG	1.5	18.2	15	25	MUA MẠNH	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng
ACB	8.7	42.4	40	46	MUA MẠNH	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng
ART	2.5	10.4	8	11	MUA	Tăng giá trung hạn
VIC	9.5	120.5	118	132	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

VN-Index_Kiểm tra đáy

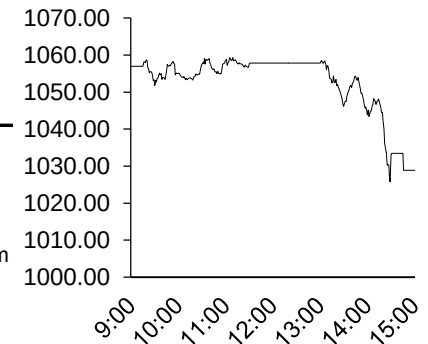
Điểm nhấn kỹ thuật

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá dài hạn
- Chỉ báo MACD: Hội tụ với đường signal
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận quá bán

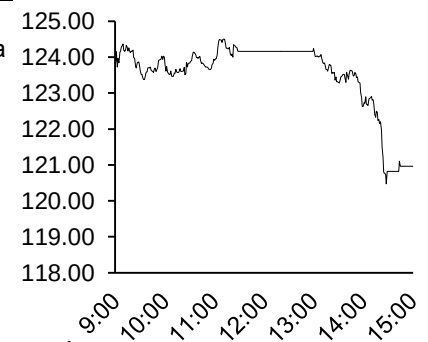
Nhận định: Chỉ số VN-Index điều chỉnh mạnh sau 2 phiên rung lắc mạnh với thanh khoản thấp. Thị trường giảm sâu tiếp tục từ tâm lý tiêu cực do (1) khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh (2) tâm lý giao dịch âm ảm do tâm lý nghi ngờ vùng hiện tại chưa phải là vùng đáy. Chỉ số thị trường tiêu cực mạnh sau 2 phiên rung lắc mạnh trong thanh khoản yếu. Các mã cổ phiếu trụ chưa kịp tăng về các ngưỡng hỗ trợ cũ đã xuất hiện lực bán từ khối ngoại khiến khối nội dè chừng. Đồ thị tuần xuất hiện hiện tại đang có xu hướng khá tiêu cực khi MA(10) chuẩn bị cắt MA(20) từ trên xuống nhằm xác nhận xu hướng giảm hoặc tích lũy trung hạn. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo đồ thị ngày ở 1,000 điểm và đồ thị tuần tại 960 điểm.



Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGĐ
VN30F1805	1014.0	-2.7%	-2.9%
VN30F1806	1024.0	-2.6%	17.9%
VN30F1809	1038.0	-3.3%	-51.3%
VN30F1812	1064.8	-2.5%	13.1%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
BVH	95	1.5	0.2
DPM	19	2.1	0.1
NT2	32	1.1	0.1
CTD	142	0.1	0.0
KDC	36	0.0	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTG	28	-7	-1.5
BID	33	-7	-0.8
MW/G	100	-6	-2.5
PLX	64	-5	-0.9
MBB	30	-5	-3.3

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	GTN	05/04/2018	11.60	11.55	-0.4%	10.9	14.0
Trung bình					-0.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	29.55	114.1%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	55.20	116.7%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	67.10	60.1%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	31.1	31.50	1.2%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	34.50	-6.1%	30.0	50.0
Trung bình					57.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	18.1	62.6%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	31.1	4.7%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	42.4	2.2%	38.3	47.0
4	VGC	06/04/2018	25.2	24.1	-4.4%	23.2	32.5
Trung bình					16.3%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	100.0	-5.6%	0.6	1,422	2.4	7,901	12.7	5.4	49.0%	45.3%	
PNJ	Bán lẻ	177.0	-3.0%	0.8	843	3.0	7,307	24.2	6.0	49.0%	32.8%	
BVH	Bảo hiểm	95.4	1.5%	1.5	2,860	1.0	2,371	40.2	4.6	25.3%	11.7%	
PVI	Bảo hiểm	34.3	1.5%	0.7	346	0.7	2,363	14.5	1.2	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	120.5	-2.0%	1.2	14,002	9.5	2,337	51.6	9.0	9.7%	16.3%	
VRE	Bất động sản	45.1	0.0%	1.0	3,777	3.0	791	57.0	3.3	32.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	56.0	-1.1%	0.9	2,109	6.2	2,534	22.1	3.6	11.0%	18.7%	
REE	Bất động sản	35.5	-1.7%	1.0	485	0.7	4,605	7.7	1.4	49.0%	19.2%	
DXG	Bất động sản	33.0	-4.1%	1.2	440	2.9	3,040	10.9	2.4	42.7%	24.6%	
SSI	Chứng khoán	34.3	-4.2%	1.3	755	6.0	2,602	13.2	2.0	55.2%	14.2%	
VCI	Chứng khoán	102.0	-1.0%	0.9	539	0.5	5,790	17.6	4.1	39.5%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	67.1	-6.5%	1.2	383	1.5	6,048	11.1	3.1	58.5%	21.4%	
FPT	Công nghệ	58.3	-0.2%	0.8	1,370	4.0	5,709	10.2	2.6	49.0%	27.7%	
FOX	Công nghệ	55.0	0.0%	0.2	548	0.0	3,453	15.9	4.1	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	105.0	-2.3%	1.6	8,853	4.2	5,149	20.4	4.6	3.4%	23.9%	
PLX	Dầu khí	64.0	-5.5%	1.5	3,267	1.6	2,920	21.9	3.5	12.1%	16.0%	
PVS	Dầu khí	18.6	-0.5%	1.8	366	3.1	1,786	10.4	0.8	17.5%	7.6%	
BSR	Dầu khí	19.3	-4.5%	0.1	2,636	0.8	#N/A	N/A	#N/A	N/A	56.3%	14.0%
DHG	Dược	104.0	-0.2%	0.5	599	0.5	4,344	23.9	4.9	47.2%	19.5%	
DPM	Hóa chất	19.1	2.1%	0.9	329	0.9	1,426	13.4	0.9	21.9%	8.7%	
DCM	Hóa chất	11.6	-2.1%	0.5	271	0.7	1,024	11.3	1.0	4.1%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	56.5	-5.0%	1.5	8,955	11.4	2,888	19.6	3.6	20.3%	19.6%	
BID	Ngân hàng	32.7	-6.6%	1.4	4,925	4.3	2,030	16.1	2.3	2.7%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	28.0	-6.7%	1.5	4,593	9.0	2,103	13.3	1.6	30.0%	12.6%	
VPB	Ngân hàng	50.0	-5.8%	1.0	3,298	5.9	4,564	11.0	2.5	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	29.6	-5.3%	1.1	2,363	7.5	2,301	12.8	1.8	20.0%	15.2%	
ACB	Ngân hàng	42.4	-4.5%	1.0	2,026	8.7	2,568	16.5	2.7	29.9%	17.5%	
BMP	Nhựa	52.6	-1.7%	1.1	190	0.6	5,511	9.5	1.8	70.7%	19.6%	
NTP	Nhựa	54.0	-0.9%	0.4	212	0.0	4,922	11.0	2.3	23.1%	25.1%	
MSR	Tài nguyên	27.5	0.0%	1.4	872	0.0	286	96.2	1.7	2.1%	1.0%	
HPG	Thép	55.2	-3.2%	0.9	3,689	6.5	5,565	9.9	2.4	39.5%	29.8%	
HSG	Thép	14.9	-1.7%	1.1	230	2.0	2,563	5.8	1.0	25.2%	28.8%	
VNM	Tiêu dùng	180.0	-2.7%	0.6	11,508	3.6	6,234	28.9	10.1	59.5%	35.8%	
SAB	Tiêu dùng	234.0	0.0%	0.8	6,611	0.7	7,227	32.4	10.4	9.7%	34.8%	
MSN	Tiêu dùng	94.0	-1.1%	1.0	4,338	2.6	3,448	27.3	6.6	32.4%	24.3%	
SBT	Tiêu dùng	17.3	-1.4%	0.9	423	7.6	1,115	15.5	1.4	7.4%	7.4%	
ACV	Vận tải	89.5	-0.4%	0.7	8,584	0.3	1,883	47.5	7.1	3.5%	15.9%	
VJC	Vận tải	192.1	-1.1%	0.9	3,820	7.4	11,356	16.9	8.2	24.9%	67.1%	
HVN	Vận tải	37.0	-4.6%	1.6	2,036	0.8	1,727	21.4	3.0	8.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	26.4	-2.4%	0.9	335	0.3	5,793	4.5	1.2	20.4%	8.1%	
PVT	Vận tải	18.1	-1.4%	1.0	224	0.2	1,670	10.8	1.4	33.8%	12.4%	
VCS	Vật liệu xây dựng	112.5	-6.1%	0.8	793	0.4	6,408	17.6	7.5	2.6%	57.9%	
VGC	Vật liệu xây dựng	24.1	0.0%	0.9	476	2.2	1,354	17.8	1.6	34.5%	11.8%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.3	0.0%	0.7	224	0.1	1,207	11.0	1.0	6.2%	9.4%	
CTD	Xây dựng	142.1	0.1%	0.3	490	3.3	20,255	7.0	1.5	41.7%	22.0%	
VCG	Xây dựng	18.2	1.1%	1.7	354	1.5	2,887	6.3	1.2	9.8%	20.4%	
CII	Xây dựng	30.1	-0.8%	0.6	327	0.9	1,208	24.9	1.5	66.4%	35.9%	
POW	Điện	13.7	-3.5%	0.6	1,413	0.7	494	27.8	1.2	64.7%	4.5%	
NT2	Điện	31.5	1.1%	0.6	399	0.3	2,646	11.9	1.7	22.1%	14.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BVH	95.40	1.49	0.35	238180.00
DPM	19.10	2.14	0.06	1.03MLN
PC1	33.00	4.10	0.06	46690.00
QCG	10.60	4.95	0.05	2.08MLN
NT2	31.50	1.12	0.04	228360.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	56.50	-5.04	-3.93	4.43MLN
BID	32.70	-6.57	-2.86	2.83MLN
CTG	28.00	-6.67	-2.71	7.04MLN
VNM	180.00	-2.70	-2.64	451010.00
VIC	120.50	-1.95	-2.31	1.78MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	40.80	6.95	0.01	2120.00
OPC	52.50	6.82	0.03	3710.00
CIG	2.41	6.64	0.00	3180.00
BRC	10.00	6.38	0.00	10.00
AGF	6.17	6.38	0.00	11030.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTO	8.20	-8.79	-0.02	63820.00
VMD	20.70	-6.97	-0.01	1040.00
VHC	54.90	-6.95	-0.14	346130.00
VND	23.65	-6.89	-0.10	7.06MLN
HTL	28.45	-6.87	-0.01	70.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DBC	19.70	4.79	0.05	65900.00
PTI	21.00	9.95	0.04	300.00
VGS	12.30	9.82	0.04	445200.00
NVB	8.70	1.16	0.03	505600.00
VCG	18.20	1.11	0.02	1.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	42.40	-4.50	-1.68	4.54MLN
SHB	10.60	-2.75	-0.33	9.81MLN
VCS	112.50	-6.09	-0.16	83000.00
SHS	17.60	-5.38	-0.09	1.41MLN
SHN	8.70	-7.45	-0.09	131200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

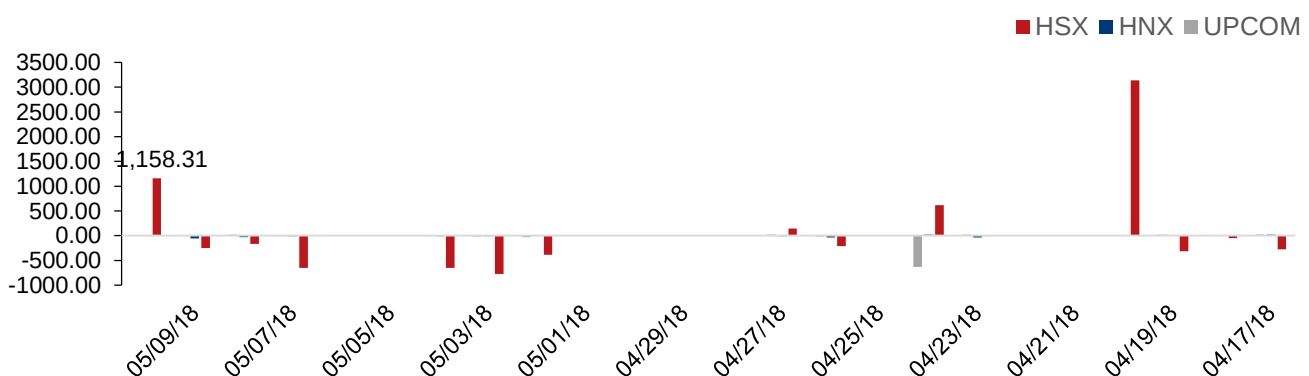
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTX	27.50	10.00	0.01	500.00
MNC	4.40	10.00	0.00	100.00
PTI	21.00	9.95	0.04	300.00
CPC	41.20	9.87	0.01	600.00
VGS	12.30	9.82	0.04	445200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	73800.00
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100.00
DID	4.60	-9.80	0.00	10100.00
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100.00
KMT	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	12.7	293	43.2	1.1	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	31.5	2,646	11.9	1.7	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.9	920	16.1	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.5	206	167.1	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	42.4	2,568	16.5	2.7	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	33.2	5,102	6.5	1.1	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	21.7	930	23.3	1.8	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	18.1	1,670	10.8	1.4	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	55.2	5,565	9.9	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	33.0	3,040	10.9	2.4	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	13.0	2,973	4.4	0.8	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	38.9	5,535	7.0	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	58.3	5,709	10.2	2.6	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	56.5	2,888	19.6	3.6	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.6	1,786	10.4	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	29.6	2,301	12.8	1.8	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	142.1	20,255	7.0	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.1	160	31.9	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	120.0	18,697	6.4	2.1	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	177.0	7,307	24.2	6.0	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

